

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-3-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Bích Vân**

2. Bà **Ngô Thị Út Hậu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Dũng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Mỹ N**, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Mai K**, sinh năm 1981. Trú tại: Khu vực Th, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Có mặt

2. Anh **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1991. Trú tại: Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3. Ông **Thái Anh H**. Trú tại: Số 79/1 khu vực x, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Trịnh Thị Mỹ N** trình bày: Vào năm 2014, bà và ông **Huỳnh Thanh T** thông qua quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T thời gian đầu rất hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đồng thời ông T thường gây nợ nần. Nay, bà cảm

thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Huỳnh Thanh S (Nam), sinh ngày 20/01/2015, hiện đang sống với ông T, khi ly hôn bà đồng ý để ông T nuôi cháu S đến trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ chung bà Nguyễn Thị Mai Kh số tiền 20.000.000 đồng, ông Thái Anh H 10.000.000 đồng, anh Huỳnh Thanh T số tiền 27.000.000 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà N, đồng thời đồng ý tiếp tục nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N đã thỏa thuận nợ và được các chủ nợ đồng ý như sau: Anh T có trách nhiệm trả nợ cho anh T số tiền 27.000.000 đồng và trả cho ông H $\frac{1}{2}$ số nợ bằng 5.000.000 đồng. Chị N có trách nhiệm trả cho bà Mai K số tiền nợ là 20.000.000 đồng và trả cho ông H $\frac{1}{2}$ số nợ bằng 5.000.000 đồng. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Ngoài ra, anh T và chị N còn khai nhận có vay tín chấp (giao dịch điện tử online trên mạng) tại Ngân Hàng không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, và cũng không có hợp đồng với số tiền 20.000.000 đồng, số nợ này anh T hàng tháng đang đứng ra trả góp rất tốt, nếu sau này anh T không trả đầy đủ cho Ngân hàng, Ngân hàng có kiện anh T chị N sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Trịnh Thị Mỹ N và ông Huỳnh Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên bà N khởi kiện ly hôn và yêu cầu tòa án giải quyết con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Điều 56 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N kiên quyết ly hôn với ông T, lúc đầu ông T không đồng ý, Tòa án đã triệu tập đôi bên đến hòa giải để động viên đoàn tụ nhưng không hiệu quả, bà N nhất quyết ly hôn, ông T sau đó cũng đồng ý, đôi bên không thật sự muốn niều kéo lại mối quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ đó, cho thấy lý do xin ly hôn của bà N cho rằng, mục đích của hôn nhân của bà N và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử căn chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] *Về con chung*: Xét thấy, cháu S đang chung sống với ông T, cuộc sống của cháu hiện nay cũng ổn định. Do đó, để ổn định cho cháu S có cuộc sống bình thường, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, đồng thời tại phiên tòa bà N cũng đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng, nên cần giao cháu cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở bà N thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Các bên đã thỏa thuận xong không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, đồng thời đối với khoản nợ Ngân hàng do đương sự không cung cấp được thông tin đầy đủ, chính xác nên tòa án không thể mời Ngân hàng vào tham gia tố tụng được. Các vấn đề trên đây, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (khi đương sự có yêu cầu)

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ N

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Mỹ N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thái S, sinh ngày 09/7/2012 cho ông Huỳnh Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu. Bà N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo luật định.

- Về tài sản chung: Các bên khai nhận không có, nên không xem xét

- Về nợ chung: Các bên đương sự hiện tại chưa yêu cầu tòa án giải quyết nên chưa xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng. Bà Trịnh Thị Mỹ N phải chịu. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010988 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô thành tiền án phí (công nhận bà N nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Mẫn